TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 80/2024/QĐST-HNGĐ *Thành phố A, ngày 04 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988;
- Bị đơn: Anh Trương Thành T, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trương Thành T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Thành T thống nhất tự nguyện thoả thuận thuận tình ly hôn.

+ Về nuôi con chung: Có ba con chung tên Trương Thị Quy N, sinh năm 20/8/2005, Trương Thị Xuân M, sinh ngày 09/12/2008 và Trương Thành D, sinh ngày 28/9/2015. Hiện cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay cháu M và cháu D đang sống cùng chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Thành T tự nguyện thỏa thuận như sau: Sau khi ly hôn chị Nguyễn

Thị N được tiếp tục nuôi hai con tên Trương Thị Xuân M, sinh ngày 09/12/2008 và Trương Thành D, sinh ngày 28/9/2015 (Nguyện vọng hai cháu cũng muốn sống với mẹ), anh Trương Thành T không cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị N tự nguyện không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Trương Thành T trong việc thăm nôm, chăm sóc, giáo dục con.

+ Về chia T sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Thành T mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Nhưng chị Nguyễn Thị N tự nguyện thống nhất chịu thay cho anh Trương Thành T toàn bộ số tiền án phí trên. Vậy chị Nguyễn Thị N thống nhất chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tiền án phí được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0005129 ngày 03 tháng 5 năm 2024 mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A. Chị Nguyễn Thị N được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. A;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thanh Tâm